Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2934.91.00

Mã HS	2934.91.00
Mô tả hàng hóa	Các axit nucleic và muối của chúng, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học; hợp chất dị vòng khác / - Loại khác: / - - Aminorex (INN), brotizolam (INN), clotiazepam (INN), cloxazolam (INN), dextromoramide (INN), haloxazolam (INN), ketazolam (INN), mesocarb (INN), oxazolam (INN), pemoline (INN), phendimetrazine (INN), phenmetrazine (INN) và sufentanil (INN); muối của chúng
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	05/11/2026 13:02:33
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29349100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4391
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4391
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4391
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4348
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4309
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4309
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4309
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4309
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4309
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4309
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4347
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4347
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4347
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4347

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4347
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4347
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4351
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4351
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4351
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4351
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4351
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4351
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4351
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4315
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4311
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4311
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4311
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4311
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4311
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4311
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4311
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4311
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4311
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4311
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4311
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4311
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4358
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4358
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4358
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4358

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4358
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4358
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4355
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4355
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4355
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4355
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4355
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4355
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4363
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4363
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4363
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4363
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4363
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4363
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4334
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4334
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4334
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4334
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4334
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4334
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4336
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4336
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4336
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4336
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4336
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4336

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4334
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4334
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4334
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4334
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4334
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4334
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4334
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4355
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4355
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4355
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4355
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4355
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4355
RCEP B	2022	2022	0	B!D4355
RCEP B	2023	2023	0	B!E4355
RCEP B	2024	2024	0	B!F4355
RCEP B	2025	2025	0	B!G4355
RCEP B	2026	2026	0	B!H4355
RCEP B	2027	2027	0	B!I4355
RCEP C	2022	2022	0	C!D4355
RCEP C	2023	2023	0	C!E4355
RCEP C	2024	2024	0	C!F4355
RCEP C	2025	2025	0	C!G4355
RCEP C	2026	2026	0	C!H4355
RCEP C	2027	2027	0	C!I4355
RCEP D	2022	2022	0	D!D4355

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4355
RCEP D	2024	2024	0	D!F4355
RCEP D	2025	2025	0	D!G4355
RCEP D	2026	2026	0	D!H4355
RCEP D	2027	2027	0	D!I4355
RCEP E	2022	2022	0	E!D4358
RCEP E	2023	2023	0	E!E4358
RCEP E	2024	2024	0	E!F4358
RCEP E	2025	2025	0	E!G4358
RCEP E	2026	2026	0	E!H4358
RCEP E	2027	2027	0	E!I4358
RCEP F	2022	2022	0	F!D4355
RCEP F	2023	2023	0	F!E4355
RCEP F	2024	2024	0	F!F4355
RCEP F	2025	2025	0	F!G4355
RCEP F	2026	2026	0	F!H4355
RCEP F	2027	2027	0	F!I4355
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4008
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4008
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4008
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4008

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2934.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2934.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4391), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.